

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 48/2017/DS-ST

Ngày: 25 - 9 - 2017

V/v "t/c hội"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Trường Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải.
2. Bà Nguyễn Thị Xuân Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bình Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2017/TLST-DS ngày 02/6/2017 về việc "*tranh chấp hội*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2017/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Long An.

Do bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1954 đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22/5/2017)

Địa chỉ: khu phố H, thị trấn T, huyện H, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1977.

- Ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Long An.

(Bà N có mặt; bà N1 và ông S vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T do bà Nguyễn Thị Thanh N đại diện theo ủy quyền trình bày yêu cầu khởi kiện: Từ năm 2012 đến năm 2015 bà T làm chủ nhiều dây hụi, bà Nguyễn Thị N1 và ông Nguyễn Hữu S tham gia nhiều dây hụi cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: khai ngày 15/6/2014al, hụi khai 3 tháng một lần, gồm 14 phần mỗi phần 3.000.000đ. Bà N1 tham gia 2 phần, phần thứ nhất hốt hụi kỳ 1 hốt được 16.850.000đ, phần thứ hai hốt kỳ thứ 6 (15/11/2014al) hốt được 17.750.000đ. Bà N1 ngưng đóng hụi ngày 15/7/2015al cả 2 phần và đóng hụi chết đến kỳ thứ 6. Bà T phải choàng hụi cho bà N1 và đã khởi kiện kỳ hụi thứ 7 đến kỳ thứ 11. Nay bà T tiếp tục khởi kiện yêu cầu bà N1 và ông S trả từ kỳ thứ 12 đến kỳ 13 là 2 kỳ đối với cả 2 phần hụi với số tiền 12.000.000đ.

Dây thứ hai: khai ngày 25/10/2014al, hụi tháng khai một lần, gồm 25 phần mỗi phần 1.000.000đ. Bà N1 tham gia 2 phần, phần thứ nhất bỏ thăm và hốt kỳ 1 được 15.750.000đ. Phần thứ 2 hốt kỳ 8 ngày 25/10/2015al được 19.080.000đ. Bà N1 không đóng vào ngày 15/7/2015 đến kỳ thứ 10, bà T phải choàng hụi cho bà N1 và đã khởi kiện kỳ hụi thứ 11 đến kỳ hụi 23. Nay bà T tiếp tục khởi kiện yêu cầu bà N1 và ông S trả từ kỳ thứ 24 đến kỳ thứ 25 của 2 phần hụi là 2 kỳ thành tiền là 4.000.000đ.

Dây thứ ba: khai ngày 10/9/2014 al, hụi tháng khai một lần, gồm 34 phần mỗi phần 1.000.000đ. Bà N1 tham gia hai phần, bà N1 hốt phần 1 vào ngày 10/4/2015al được 24.900.000đ, sau khi hốt đóng hụi chết đến ngày 15/7/2015al kỳ thứ 11 thì ngưng, bà T phải choàng hụi cho bà N1 và đã khởi kiện từ kỳ hụi thứ 12 đến kỳ 24 của phần hụi chết. Nay bà T tiếp tục khởi kiện yêu cầu bà N1 và ông S trả từ kỳ thứ 25 đến kỳ thứ 32 là 8 kỳ thành tiền là 8.000.000đ.

Dây thứ tư: khai ngày 29/3/2015al, hụi tháng khai một lần, gồm 21 phần mỗi phần 2.000.000đ. Bà N1 tham gia 1 phần, bỏ thăm và hốt kỳ thứ năm được 32.480.000đ. Sau khi hốt hụi bà N1 không đóng hụi chết, bà T choàng hụi cho bà N1 và đã khởi kiện từ kỳ hụi thứ 6 và thứ 17. Nay bà T tiếp tục khởi kiện yêu cầu bà N1 và ông S trả từ kỳ thứ 18 đến kỳ thứ 21 là 4 kỳ thành tiền là 8.000.000đ.

Dây thứ năm: khai ngày 20/9/2014al, hụi tháng khai một lần, gồm 26 phần mỗi phần 500.000đ. Bà N1 tham gia hai phần, bỏ thăm và hốt phần 1 vào kỳ thứ hai ngày 20/10/2014 được số tiền 8.440.000đ. Bà N1 đóng hụi cho hai phần sống, chết đến kỳ thứ 11 ngày 20/7/2015 thì ngưng, bà T choàng hụi cho bà N1 và đã khởi kiện từ kỳ hụi thứ 12 đến kỳ thứ 23. Nay bà T tiếp tục khởi

kiện yêu cầu bà N1 và ông S trả từ kỳ thứ 24 đến kỳ thứ 26 là 3 kỳ thành tiền là 1.500.000đ.

Như vậy 05 dây hụi trên bà T đã choàng hụi cho bà N1 và ông S là 33.500.000đ.

Ngoài ra bà N1 và ông S tham gia góp hụi 05 dây hụi mùa, 06 tháng khui một lần, cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất khui ngày 30/7/2011al gồm 12 phần, mỗi phần 5.000.000đ bà N1 và ông S tham gia 1 phần hốt kỳ số 2 được 29.400.000đ. Sau khi hốt hụi bà N1 đóng hụi chết đến kỳ thứ 9 thì ngưng, bà T phải choàng hụi cho bà N1 và đã khởi kiện từ kỳ thứ 10 đến kỳ 11. Nay bà T tiếp tục khởi kiện yêu cầu bà N1 và ông S trả kỳ 12 thành tiền là 5.000.000đ.

Dây hụi thứ hai khui ngày 30/02/2012al gồm 15 phần, mỗi phần 5.000.000đ bà N1 và ông S tham gia 1 phần hốt kỳ số 3 được 38.340.000đ. Sau khi hốt hụi bà N1 đóng hụi chết đến kỳ thứ 7 thì ngưng, bà T phải choàng hụi cho bà N1 và đã khởi kiện từ kỳ thứ 8 đến kỳ 9. Nay bà T tiếp tục khởi kiện yêu cầu bà N1 và ông S trả kỳ 10 và 11 thành tiền là 10.000.000đ.

Dây hụi thứ ba khui ngày 10/4/2012al gồm 15 phần, mỗi phần 10.000.000đ bà N1 và ông S tham gia 1 phần hốt kỳ số 3 được 65.835.000đ. Sau khi hốt hụi bà N1 đóng hụi chết đến kỳ thứ 7 thì ngưng, bà T phải choàng hụi cho bà N1 và đã khởi kiện từ kỳ thứ 8 đến kỳ 9. Nay bà T tiếp tục khởi kiện yêu cầu bà N1 và ông Song trả kỳ 10 và 11 thành tiền là 20.000.000đ.

Dây hụi thứ tư khui ngày 30/01/2013al gồm 15 phần, mỗi phần 5.000.000đ bà N1 và ông S tham gia 1 phần hốt kỳ số 3 được 38.380.000đ. Sau khi hốt hụi bà N1 đóng hụi chết đến kỳ thứ 6 thì ngưng, bà T phải choàng hụi cho bà N1 và đã khởi kiện từ kỳ thứ 7 đến kỳ 8. Nay bà T tiếp tục khởi kiện yêu cầu bà N1 và ông S trả kỳ thứ 9 thành tiền là 5.000.000đ.

Dây hụi thứ năm khui ngày 30/6/2013al gồm 13 phần, mỗi phần 10.000.000đ bà N1 và ông S tham gia 1 phần hốt kỳ số 4 được 69.700.000đ. Sau khi hốt hụi bà N1 đóng hụi chết đến kỳ thứ 5 thì ngưng, bà T phải choàng hụi cho bà N1 và đã khởi kiện từ kỳ thứ 6 đến kỳ 7. Nay bà T tiếp tục khởi kiện yêu cầu bà N1 và ông S trả kỳ thứ 8 thành tiền là 10.000.000đ.

Như vậy 05 dây hụi mùa bà T đã choàng hụi cho bà N1 và ông S là 50.000.000đ.

Tổng cộng hội tháng và hội mùa bà T đã choàng hội cho bà N1 và ông S 83.500.000đ. Do đó bà T yêu cầu ông S và bà N1 liên đới trả cho bà T 83.500.000đ.

- *Tại bản tự khai ngày 04/7/2017 và biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 02/8/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị N1 trình bày:* Bà N1 và ông S là vợ chồng, bà N1 thừa nhận bà N1 có tham gia 5 dây hội tháng và 5 dây hội mùa do bà T làm chủ về thời gian và số tiền đúng như lời bà T trình bày. Bà T khởi kiện các kỳ hội đã đến hạn của 5 dây hội tháng và 5 dây hội mùa nhưng chưa được giải quyết với số tiền bà T đã choàng hội cho bà N1 là 83.500.000đ. Việc bà N1 hốt hội và chưa đóng hội chết cũng như việc bà T choàng hội trong vụ án này cho bà N1 là hoàn toàn đúng, mục đích bà N1 tham gia và hốt hội là để chặn nuôi cải thiện kinh tế trong gia đình. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà N1 và ông S cùng liên đới trả bà T số tiền hội 83.500.000đ, bà N1 đồng ý trả nhưng xin trả một mình vì việc tham gia hội với bà T ông S không biết và xin trả gốc và trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hoàn tất số nợ trên.

- *Bị đơn Nguyễn Hữu S:* Ông S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt ông S theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T cung cấp 05 giấy hội mùa lần lượt đề các ngày khai 30/7/2011, 30/2/2012, 10/4/2012, 30/01/2013, 30/6/2013 (tất cả bản phô tô); 05 dây hội tháng lần lượt đề các ngày khai 15/6/2014, 25/10/2014, 10/9/2014, 29/3/2015, 20/9/2014 (tất cả bản phô tô); bản án số 09/2016/DS-ST ngày 25/3/2016 và quyết định sửa chữa bản án ngày 01/7/2016, bản án số 14/2017/DS-ST ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa. Bị đơn không cung cấp chứng cứ hay tài liệu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Là tranh chấp về hội chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự nên theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa.

[2] *Về quyền yêu cầu khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị T khởi kiện các kỳ hội của 5 dây hội tháng và 5 dây hội mùa mà bà T làm chủ hội mà bà N1 là thành viên đã đến hạn đóng hội nhưng do có vi phạm nghĩa vụ đóng hội, do đó bà T có quyền khởi kiện đối với các kỳ hội đến hạn.

[3] *Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Hữu S và bà Nguyễn Thị N1:* Ông S và bà N1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S và bà N1.

[4] *Về nội dung vụ án:* Bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hữu S trả 83.500.000đ tiền hội, không yêu cầu tính lãi của các kỳ hội đối với 5 dây hội tháng và 5 dây hội mùa yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Bà Nguyễn Thị N1 thừa nhận còn nợ hội của bà T các kỳ hội đã đến hạn nhưng chưa được Tòa án giải quyết là 83.500.000đ như bà T yêu cầu, bà T yêu cầu bà N1 và ông S liên đới trả số tiền trên thì bà N1 đồng ý nhưng chỉ một mình bà N1 trả vì việc tham gia hội với bà T ông S không biết và xin trả gốc, không trả lãi cũng như trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hoàn tất số nợ vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý vì bà T yêu cầu bà N1 và ông S cùng trả số nợ trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy các đương sự thống nhất được với nhau về số tiền nợ hội là 83.500.000đ của 5 dây hội tháng và 5 dây hội mùa đối với các kỳ hội chưa được giải quyết là phù hợp với bản án số 09/2016/DS-ST ngày 25/3/2016 và quyết định sửa chữa bản án ngày 01/7/2016 cũng như bản án số 14/2017/DS-ST ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa. Bà N1 và ông S là vợ chồng, bà N1 tham gia chơi hội với bà T nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn chăn nuôi để cải thiện kinh tế phục vụ nhu cầu chung trong gia đình nên đây là khoản nợ chung của bà N và ông S. Bị đơn Nguyễn Hữu S không có ý kiến hay văn bản nào phản đối yêu cầu của bà T, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì việc ông S có tham gia 5 dây hội tháng và 5 dây hội mùa do bà T làm chủ hội và còn nợ lại bà T các phần hội đã đến hạn nhưng chưa trả cho bà T là 83.500.000đ.

Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị N1 và ông Nguyễn Hữu S về tranh chấp hội. Buộc bà N và ông S liên đới trả cho bà T 83.500.000đ tiền nợ hội. Trong trường hợp bà N1 và ông S chậm trả thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

[5] *Về thời gian trả và cách thức trả:* Do các đương sự không thỏa thuận được thời gian và cách thức trả và vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật, do đó Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị N1 và ông Nguyễn Hữu S phải chịu 5%* 83.500.000đ = 4.175.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà T 2.090.000đ

tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003570 ngày 02/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 471, Điều 288 và Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị N1 và ông Nguyễn Hữu S về tranh chấp hui.

Buộc bà Nguyễn Thị N1 và ông Nguyễn Hữu S liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 83.500.000đ phát sinh từ tranh chấp hui.

Trong trường hợp bà N1 và ông S chậm trả thì bà N1 và ông S còn phải liên đới trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị N1 và ông Nguyễn Hữu S phải liên đới chịu 4.175.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà T 2.090.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003570 ngày 02/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Án xử sơ thẩm công khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

- Các đương sự;
- Lưu án văn.

Phùng Trường Thọ